Phụ lục 6.1: Quốc lộ 5

(Kèm theo Quyết định số 2470/QĐ-BXD ngày 30/12/2025 của Bộ Xây dựng)

1. Phạm vi

Điểm đầu: tại vị trí giao cắt với đường Nguyễn Văn Cừ, thuộc địa phận phường Bồ Đề, thành phố Hà Nội.

Điểm cuối: tại khu vực khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, thuộc địa phận phường Đông Hải, thành phố Hải Phòng.

Tổng chiều dài khoảng 110 km. Đi qua địa bàn 3 tỉnh, thành phố: Hà Nội, Hải Phòng và Hưng Yên.

2. Hướng tuyến cơ bản

Hướng tuyến cơ bản đi theo hướng tuyến đường hiện hữu.

3. Quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật

Đường ô tô 4 làn xe, cấp II.

4. Sơ bộ quy mô công trình

Quy mô công trình cầu, công trình hầm được bố trí các yếu tố như với mặt cắt ngang đường tương ứng. Các công trình cầu, công trình hầm và các điểm giao cắt chính được dự kiến xác định theo hướng tuyến cơ bản.

5. Phương án kết nối đường bộ với các phương thức vận tải khác, kết nối với hệ thống đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp: kết nối thông qua các vị trí nút giao liên thông và hệ thống giao thông khu vực.

6. Trạm dừng nghỉ và công trình phụ trợ khác

Trạm dừng nghỉ mới hoặc điều chỉnh trạm dừng nghỉ hiện hữu, vị trí, quy mô trạm dừng nghỉ xác định theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan.

Các công trình phụ trợ được bố trí phù hợp với các quy định và pháp luật hiện hành.

7. Nhu cầu sử dụng đất dự kiến: khoảng 480 ha.

8. Nhu cầu vốn đầu tư dự kiến: khoảng 1.704 tỷ đồng.

9. Tiến độ thực hiện dự kiến

Trên cơ sở nhu cầu vận tải, khả năng cân đối nguồn lực trong từng giai đoạn, xem xét đầu tư đoạn tuyến theo quy hoạch.

(Chi tiết các nội dung quy hoạch tuyến tại hồ sơ kèm theo).

Phụ lục 6.2: Quốc lộ 18

(Kèm theo Quyết định số 2470/QĐ-BXD ngày 30/12/2025 của Bộ Xây dựng)

1. Phạm vi

Điểm đầu: tại vị trí giao cắt với đường cao tốc Bắc - Nam phía Đông, thuộc địa phận phường Võ Cường, tỉnh Bắc Ninh.

Điểm cuối: tại khu vực cửa khẩu Móng Cái, thuộc địa phận phường Móng Cái 1, tỉnh Quảng Ninh.

Tổng chiều dài khoảng 279 km. Đi qua địa bàn 3 tỉnh, thành phố: Hải Phòng, Quảng Ninh và Bắc Ninh.

2. Hướng tuyến cơ bản

Hướng tuyến cơ bản đi theo hướng tuyến đường hiện hữu.

3. Quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật

Đường ô tô 4 làn xe, cấp III.

4. Sơ bộ quy mô công trình

Quy mô công trình cầu, công trình hầm được bố trí các yếu tố như với mặt cắt ngang đường tương ứng. Các công trình cầu, công trình hầm và các điểm giao cắt chính được dự kiến xác định theo hướng tuyến cơ bản.

5. Phương án kết nối đường bộ với các phương thức vận tải khác, kết nối với hệ thống đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp: kết nối thông qua các vị trí nút giao liên thông và hệ thống giao thông khu vực.

6. Trạm dừng nghỉ và công trình phụ trợ khác

Trạm dừng nghỉ mới hoặc điều chỉnh trạm dừng nghỉ hiện hữu, vị trí, quy mô trạm dừng nghỉ xác định theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan.

Các công trình phụ trợ được bố trí phù hợp với các quy định và pháp luật hiện hành.

7. Nhu cầu sử dụng đất dự kiến: khoảng 1.217 ha.

8. Nhu cầu vốn đầu tư dự kiến: khoảng 10.153 tỷ đồng.

9. Tiến độ thực hiện dự kiến

Trên cơ sở nhu cầu vận tải, khả năng cân đối nguồn lực trong từng giai đoạn, xem xét đầu tư đoạn tuyến theo quy hoạch.

(Chi tiết các nội dung quy hoạch tuyến tại hồ sơ kèm theo).

Phụ lục 6.3: Quốc lộ 2

(Kèm theo Quyết định số 2470/QĐ-BXD ngày 30/12/2025 của Bộ Xây dựng)

1. Phạm vi

Điểm đầu: tại vị trí giao cắt với đường Bắc Thăng Long - Nội Bài, thuộc địa phận xã Sóc Sơn, thành phố Hà Nội.

Điểm cuối: tại khu vực cửa khẩu Thanh Thuỷ, thuộc địa phận xã Thanh Thuỷ, tỉnh Tuyên Quang.

Tổng chiều dài khoảng 300 km. Đi qua địa bàn 3 tỉnh, thành phố: Hà Nội, Phú Thọ và Tuyên Quang.

2. Hướng tuyến cơ bản

Hướng tuyến cơ bản đi theo hướng tuyến đường hiện hữu.

3. Quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật

Đường ô tô 2 - 4 làn xe, cấp III.

- Đoạn đầu tuyến - QL.3B: 4 làn xe.

- Đoạn QL.3B - cuối tuyến: 2 làn xe.

4. Sơ bộ quy mô công trình

Quy mô công trình cầu, công trình hầm được bố trí các yếu tố như với mặt cắt ngang đường tương ứng. Các công trình cầu, công trình hầm và các điểm giao cắt chính được dự kiến xác định theo hướng tuyến cơ bản.

5. Phương án kết nối đường bộ với các phương thức vận tải khác, kết nối với hệ thống đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp: kết nối thông qua các vị trí nút giao và hệ thống giao thông trong khu vực.

6. Trạm dừng nghỉ và công trình phụ trợ khác

Trạm dừng nghỉ mới hoặc điều chỉnh trạm dừng nghỉ hiện hữu, vị trí, quy mô trạm dừng nghỉ xác định theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan.

Các công trình phụ trợ được bố trí phù hợp với các quy định và pháp luật hiện hành.

7. Nhu cầu sử dụng đất dự kiến: khoảng 1.137 ha.

8. Nhu cầu vốn đầu tư dự kiến: khoảng 11.540 tỷ đồng.

9. Tiến độ thực hiện dự kiến

Trên cơ sở nhu cầu vận tải, khả năng cân đối nguồn lực trong từng giai đoạn, xem xét đầu tư đoạn tuyến theo quy hoạch.

(Chi tiết các nội dung quy hoạch tuyến tại hồ sơ kèm theo).

Phụ lục 6.4: Quốc lộ 3

(Kèm theo Quyết định số 2470/QĐ-BXD ngày 30/12/2025 của Bộ Xây dựng)

1. Phạm vi

Điểm đầu: tại vị trí phía Bắc cầu Đuống, thuộc địa phận xã Phù Đổng, thành phố Hà Nội.

Điểm cuối: tại khu vực cửa khẩu Tà Lùng, thuộc địa phận xã Phục Hoà, tỉnh Cao Bằng.

Tổng chiều dài khoảng 182 km. Đi qua địa bàn 3 tỉnh, thành phố: Hà Nội, Thái Nguyên và Cao Bằng.

2. Hướng tuyến cơ bản

Hướng tuyến cơ bản đi theo hướng tuyến đường hiện hữu.

3. Quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật

Đường ô tô 2 - 4 làn xe, cấp III - IV.

- Đoạn đầu tuyến - cao tốc Hà Nội - Thái Nguyên: 4 làn xe.

- Đoạn cao tốc Hà Nội - Thái Nguyên - cuối tuyến: 2 làn xe.

4. Sơ bộ quy mô công trình

Quy mô công trình cầu, công trình hầm được bố trí các yếu tố như với mặt cắt ngang đường tương ứng. Các công trình cầu, công trình hầm và các điểm giao cắt chính được dự kiến xác định theo hướng tuyến cơ bản.

5. Phương án kết nối đường bộ với các phương thức vận tải khác, kết nối với hệ thống đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp: kết nối thông qua các vị trí nút giao và hệ thống giao thông trong khu vực.

6. Trạm dừng nghỉ và công trình phụ trợ khác

Trạm dừng nghỉ mới hoặc điều chỉnh trạm dừng nghỉ hiện hữu, vị trí, quy mô trạm dừng nghỉ xác định theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan.

Các công trình phụ trợ được bố trí phù hợp với các quy định và pháp luật hiện hành.

7. Nhu cầu sử dụng đất dự kiến: khoảng 1.314 ha.

8. Nhu cầu vốn đầu tư dự kiến: khoảng 5.096 tỷ đồng

9. Tiến độ thực hiện dự kiến

Trên cơ sở nhu cầu vận tải, khả năng cân đối nguồn lực trong từng giai đoạn, xem xét đầu tư đoạn tuyến theo quy hoạch.

(Chi tiết các nội dung quy hoạch tuyến tại hồ sơ kèm theo).

Phụ lục 6.5: Quốc lộ 32

(Kèm theo Quyết định số 2470/QĐ-BXD ngày 30/12/2025 của Bộ Xây dựng)

1. Phạm vi

Điểm đầu: tại vị trí ngã tư Mai Dịch, thuộc địa phận phường Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

Điểm cuối: tại vị trí ngã ba Bình Lư, thuộc địa phận xã Bình Lư, tỉnh Lai Châu.

Tổng chiều dài khoảng 376 km. Đi qua địa bàn 4 tỉnh, thành phố: Hà Nội, Phú Thọ, Lào Cai và Lai Châu.

2. Hướng tuyến cơ bản

Hướng tuyến cơ bản đi theo hướng tuyến đường hiện hữu.

3. Quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật

Đường ô tô 2 - 4 làn xe, cấp III - IV.

- Đoạn đầu tuyến - cao tốc Bắc - Nam phía Tây: 4 làn xe.

- Đoạn cao tốc Bắc - Nam phía Tây - cuối tuyến: 2 làn xe.

4. Sơ bộ quy mô công trình

Quy mô công trình cầu, công trình hầm được bố trí các yếu tố như với mặt cắt ngang đường tương ứng. Các công trình cầu, công trình hầm và các điểm giao cắt chính được dự kiến xác định theo hướng tuyến cơ bản.

5. Phương án kết nối đường bộ với các phương thức vận tải khác, kết nối với hệ thống đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp: kết nối thông qua các vị trí nút giao và hệ thống giao thông trong khu vực.

6. Trạm dừng nghỉ và công trình phụ trợ khác

Trạm dừng nghỉ mới hoặc điều chỉnh trạm dừng nghỉ hiện hữu, vị trí, quy mô trạm dừng nghỉ xác định theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan.

Các công trình phụ trợ được bố trí phù hợp với các quy định và pháp luật hiện hành.

7. Nhu cầu sử dụng đất dự kiến: khoảng 1.449 ha.

8. Nhu cầu vốn đầu tư dự kiến: khoảng 11.728 tỷ đồng.

9. Tiến độ thực hiện dự kiến

Trên cơ sở nhu cầu vận tải, khả năng cân đối nguồn lực trong từng giai đoạn, xem xét đầu tư đoạn tuyến theo quy hoạch.

(Chi tiết các nội dung quy hoạch tuyến tại hồ sơ kèm theo).

Phụ lục 6.6: Quốc lộ 70

(Kèm theo Quyết định số 2470/QĐ-BXD ngày 30/12/2025 của Bộ Xây dựng)

1. Phạm vi

Điểm đầu: tại vị trí giao cắt với QL.2, thuộc địa phận xã Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ.

Điểm cuối: tại khu vực ngã ba Bản Phiệt, thuộc địa phận phường Lào Cai, tỉnh Lào Cai.

Tổng chiều dài khoảng 194 km. Đi qua địa bàn 2 tỉnh: Lào Cai và Phú Thọ.

2. Hướng tuyến cơ bản

Hướng tuyến cơ bản đi theo hướng tuyến đường hiện hữu.

3. Quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật

Đường ô tô 2 - 4 làn xe, cấp III - IV.

- Đoạn đầu tuyến - QL.279: 4 làn xe.

- Đoạn QL.279 - cuối tuyến: 2 làn xe.

4. Sơ bộ quy mô công trình

Quy mô công trình cầu, công trình hầm được bố trí các yếu tố như với mặt cắt ngang đường tương ứng. Các công trình cầu, công trình hầm và các điểm giao cắt chính được dự kiến xác định theo hướng tuyến cơ bản.

5. Phương án kết nối đường bộ với các phương thức vận tải khác, kết nối với hệ thống đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp: kết nối thông qua các vị trí nút giao và hệ thống giao thông trong khu vực.

6. Trạm dừng nghỉ và công trình phụ trợ khác

Trạm dừng nghỉ mới hoặc điều chỉnh trạm dừng nghỉ hiện hữu, vị trí, quy mô trạm dừng nghỉ xác định theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan.

Các công trình phụ trợ được bố trí phù hợp với các quy định và pháp luật hiện hành.

7. Nhu cầu sử dụng đất dự kiến: khoảng 735 ha.

8. Nhu cầu vốn đầu tư dự kiến: khoảng 5.404 tỷ đồng.

9. Tiến độ thực hiện dự kiến

Trên cơ sở nhu cầu vận tải, khả năng cân đối nguồn lực trong từng giai đoạn, xem xét đầu tư đoạn tuyến theo quy hoạch.

(Chi tiết các nội dung quy hoạch tuyến tại hồ sơ kèm theo).

Phụ lục 6.7: Quốc lộ 6

(Kèm theo Quyết định số 2470/QĐ-BXD ngày 30/12/2025 của Bộ Xây dựng)

1. Phạm vi

Điểm đầu: tại vị trí giao cắt với vành đai 3 - Hà Nội, thuộc địa phận phường Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

Điểm cuối: tại vị trí giao cắt với QL.12, thuộc địa phận phường Mường Lay, tỉnh Điện Biên.

Tổng chiều dài khoảng 462 km. Đi qua địa bàn 4 tỉnh, thành phố: Hà Nội, Phú Thọ, Sơn La và Điện Biên.

2. Hướng tuyến cơ bản

Hướng tuyến cơ bản đi theo hướng tuyến đường hiện hữu.

3. Quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật

Đường ô tô 2 - 6 làn xe, cấp III - IV.

- Đoạn đầu tuyến - cao tốc Hòa Lạc - Hòa Bình: 6 làn xe.

- Đoạn cao tốc Hòa Lạc - Hòa Bình - QL.6C: 4 làn xe.

- Các đoạn còn lại: 2 làn xe.

4. Sơ bộ quy mô công trình: quy mô công trình cầu, công trình hầm được bố trí các yếu tố như với mặt cắt ngang đường tương ứng. Các công trình cầu, công trình hầm và các điểm giao cắt chính được dự kiến xác định theo hướng tuyến cơ bản.

5. Phương án kết nối đường bộ với các phương thức vận tải khác, kết nối với hệ thống đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp: kết nối thông qua các vị trí nút giao và hệ thống giao thông trong khu vực.

6. Trạm dừng nghỉ và công trình phụ trợ khác

Trạm dừng nghỉ mới hoặc điều chỉnh trạm dừng nghỉ hiện hữu, vị trí, quy mô trạm dừng nghỉ xác định theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan.

Các công trình phụ trợ được bố trí phù hợp với các quy định và pháp luật hiện hành.

7. Nhu cầu sử dụng đất dự kiến: khoảng 2.096 ha.

8. Nhu cầu vốn đầu tư dự kiến: khoảng 10.313 tỷ đồng.

9. Tiến độ thực hiện dự kiến

Trên cơ sở nhu cầu vận tải, khả năng cân đối nguồn lực trong từng giai đoạn, xem xét đầu tư đoạn tuyến theo quy hoạch.

(Chi tiết các nội dung quy hoạch tuyến tại hồ sơ kèm theo).

Phụ lục 6.8: Quốc lộ 21

(Kèm theo Quyết định số 2470/QĐ-BXD ngày 30/12/2025 của Bộ Xây dựng)

1. Phạm vi

Điểm đầu: tại vị trí giao cắt với QL.32, thuộc địa phận phường Sơn Tây, thành phố Hà Nội.

Điểm cuối: tại vị trí giao cắt với tuyến đường ven biển, thuộc địa phận xã Hải Thịnh, tỉnh Nình Bình.

Tổng chiều dài khoảng 215 km. Đi qua địa bàn 3 tỉnh, thành phố: Hà Nội, Phú Thọ và Ninh Bình.

2. Hướng tuyến cơ bản

Hướng tuyến cơ bản đi theo hướng tuyến đường hiện hữu.

3. Quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật

Đường ô tô 4 làn xe, cấp III.

4. Sơ bộ quy mô công trình

Quy mô công trình cầu, công trình hầm được bố trí các yếu tố như với mặt cắt ngang đường tương ứng. Các công trình cầu, công trình hầm và các điểm giao cắt chính được dự kiến xác định theo hướng tuyến cơ bản.

5. Phương án kết nối đường bộ với các phương thức vận tải khác, kết nối với hệ thống đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp: kết nối thông qua các vị trí nút giao và hệ thống giao thông trong khu vực.

6. Trạm dừng nghỉ và công trình phụ trợ khác

Trạm dừng nghỉ mới hoặc điều chỉnh trạm dừng nghỉ hiện hữu, vị trí, quy mô trạm dừng nghỉ xác định theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan.

Các công trình phụ trợ được bố trí phù hợp với các quy định và pháp luật hiện hành.

7. Nhu cầu sử dụng đất dự kiến: khoảng 922 ha.

8. Nhu cầu vốn đầu tư dự kiến: khoảng 6.700 tỷ đồng.

9. Tiến độ thực hiện dự kiến

Trên cơ sở nhu cầu vận tải, khả năng cân đối nguồn lực trong từng giai đoạn, xem xét đầu tư đoạn tuyến theo quy hoạch.

(Chi tiết các nội dung quy hoạch tuyến tại hồ sơ kèm theo).

Phụ lục 6.9: Quốc lộ 21B

(Kèm theo Quyết định số 2470/QĐ-BXD ngày 30/12/2025 của Bộ Xây dựng)

1. Phạm vi

Điểm đầu: tại vị trí giao cắt với QL.6, thuộc địa phận phường Kiến Hưng, thành phố Hà Nội.

Điểm cuối: tại vị trí giao cắt với QL.1, thuộc địa phận phường Trung Sơn, tỉnh Ninh Bình.

Tổng chiều dài khoảng 181 km. Đi qua địa bàn thành phố Hà Nội và tỉnh Ninh Bình.

2. Hướng tuyến cơ bản

Hướng tuyến cơ bản đi theo hướng tuyến đường hiện hữu.

3. Quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật

Đường ô tô 4 làn xe, cấp III.

4. Sơ bộ quy mô công trình

Quy mô công trình cầu, công trình hầm được bố trí các yếu tố như với mặt cắt ngang đường tương ứng. Các công trình cầu, công trình hầm và các điểm giao cắt chính được dự kiến xác định theo hướng tuyến cơ bản.

5. Phương án kết nối đường bộ với các phương thức vận tải khác, kết nối với hệ thống đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp: kết nối thông qua các vị trí nút giao và hệ thống giao thông trong khu vực.

6. Trạm dừng nghỉ và công trình phụ trợ khác

Trạm dừng nghỉ mới hoặc điều chỉnh trạm dừng nghỉ hiện hữu, vị trí, quy mô trạm dừng nghỉ xác định theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan.

Các công trình phụ trợ được bố trí phù hợp với các quy định và pháp luật hiện hành.

7. Nhu cầu sử dụng đất dự kiến: khoảng 822 ha.

8. Nhu cầu vốn đầu tư dự kiến: khoảng 4.800 tỷ đồng.

9. Tiến độ thực hiện dự kiến

Trên cơ sở nhu cầu vận tải, khả năng cân đối nguồn lực trong từng giai đoạn, xem xét đầu tư đoạn tuyến theo quy hoạch.

(Chi tiết các nội dung quy hoạch tuyến tại hồ sơ kèm theo).

Phụ lục 6.10: Quốc lộ 10

(Kèm theo Quyết định số 2470/QĐ-BXD ngày 30/12/2025 của Bộ Xây dựng)

1. Phạm vi

Điểm đầu: tại vị trí giao cắt với QL.18, thuộc địa phận phường Yên Tử, tỉnh Quảng Ninh.

Điểm cuối: nhánh 1: tại vị trí giao cắt với QL.1, thuộc địa phận xã Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa; nhánh 2: tại khu vực cầu Ghép, thuộc địa phận xã Quảng Chính, tỉnh Thanh Hóa.

Tổng chiều dài tuyến khoảng 249 km. Đi qua địa bàn 5 tỉnh, thành phố: Quảng Ninh, Hải Phòng, Hưng Yên, Ninh Bình và Thanh Hoá.

2. Hướng tuyến cơ bản

Hướng tuyến cơ bản đi theo hướng tuyến đường hiện hữu.

3. Quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật

Đường ô tô 4 làn xe, cấp III.

4. Sơ bộ quy mô công trình

Quy mô công trình cầu, công trình hầm được bố trí các yếu tố như với mặt cắt ngang đường tương ứng. Các công trình cầu, công trình hầm và các điểm giao cắt chính được dự kiến xác định theo hướng tuyến cơ bản.

5. Phương án kết nối đường bộ với các phương thức vận tải khác, kết nối với hệ thống đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp: kết nối thông qua các vị trí nút giao và hệ thống giao thông trong khu vực.

6. Trạm dừng nghỉ và công trình phụ trợ khác

Trạm dừng nghỉ mới hoặc điều chỉnh trạm dừng nghỉ hiện hữu, vị trí, quy mô trạm dừng nghỉ xác định theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan.

Các công trình phụ trợ được bố trí phù hợp với các quy định và pháp luật hiện hành.

7. Nhu cầu sử dụng đất dự kiến: khoảng 930 ha.

8. Nhu cầu vốn đầu tư dự kiến: khoảng 7.000 tỷ đồng.

9. Tiến độ thực hiện dự kiến

Trên cơ sở nhu cầu vận tải, khả năng cân đối nguồn lực trong từng giai đoạn, xem xét đầu tư đoạn tuyến theo quy hoạch.

(Chi tiết các nội dung quy hoạch tuyến tại hồ sơ kèm theo).

Phụ lục 6.11: Quốc lộ 37B

(Kèm theo Quyết định số 2470/QĐ-BXD ngày 30/12/2025 của Bộ Xây dựng)

1. Phạm vi

Điểm đầu: tại vị trí giao cắt với QL.37, thuộc địa phận xã Thái Thuỵ, tỉnh Hưng Yên.

Điểm cuối: tại vị trí giao cắt với QL.38, thuộc địa phận phường Đồng Văn, tỉnh Ninh Bình.

Tổng chiều dài khoảng 140 km. Đi qua địa bàn 2 tỉnh: Hưng Yên và Ninh Bình.

2. Hướng tuyến cơ bản

Hướng tuyến cơ bản đi theo hướng tuyến đường hiện hữu.

3. Quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật

Đường ô tô 4 làn xe, cấp III.

4. Sơ bộ quy mô công trình

Quy mô công trình cầu, công trình hầm được bố trí các yếu tố như với mặt cắt ngang đường tương ứng. Các công trình cầu, công trình hầm và các điểm giao cắt chính được dự kiến xác định theo hướng tuyến cơ bản.

5. Phương án kết nối đường bộ với các phương thức vận tải khác, kết nối với hệ thống đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp: kết nối thông qua các vị trí nút giao và hệ thống giao thông trong khu vực.

6. Trạm dừng nghỉ và công trình phụ trợ khác

Trạm dừng nghỉ mới hoặc điều chỉnh trạm dừng nghỉ hiện hữu, vị trí, quy mô trạm dừng nghỉ xác định theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan.

Các công trình phụ trợ được bố trí phù hợp với các quy định và pháp luật hiện hành.

7. Nhu cầu sử dụng đất dự kiến: khoảng 599 ha.

8. Nhu cầu vốn đầu tư dự kiến: khoảng 6.720 tỷ đồng.

9. Tiến độ thực hiện dự kiến

Trên cơ sở nhu cầu vận tải, khả năng cân đối nguồn lực trong từng giai đoạn, xem xét đầu tư đoạn tuyến theo quy hoạch.

(Chi tiết các nội dung quy hoạch tuyến tại hồ sơ kèm theo).

Phụ lục 6.12: Quốc lộ 38

(Kèm theo Quyết định số 2470/QĐ-BXD ngày 30/12/2025 của Bộ Xây dựng)

1. Phạm vi

Điểm đầu: tại vị trí giao cắt với đường cao tốc Bắc - Nam phía Đông, thuộc địa phận phường Kinh Bắc, tỉnh Bắc Ninh.

Điểm cuối: tại vị trí giao cắt với QL.21B, thuộc địa phận phường Nguyễn Úy, tỉnh Ninh Bình.

Tổng chiều dài khoảng 93 km. Đi qua địa bàn 4 tỉnh, thành phố: Hải Phòng, Bắc Ninh, Hưng Yên và Ninh Bình.

2. Hướng tuyến cơ bản

Hướng tuyến cơ bản đi theo hướng tuyến đường hiện hữu.

3. Quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật

Đường ô tô 4 làn xe, cấp III.

4. Sơ bộ quy mô công trình

Quy mô công trình cầu, công trình hầm được bố trí các yếu tố như với mặt cắt ngang đường tương ứng. Các công trình cầu, công trình hầm và các điểm giao cắt chính được dự kiến xác định theo hướng tuyến cơ bản.

5. Phương án kết nối đường bộ với các phương thức vận tải khác, kết nối với hệ thống đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp: kết nối thông qua các vị trí nút giao liên thông và hệ thống giao thông khu vực.

6. Trạm dừng nghỉ và công trình phụ trợ khác

Trạm dừng nghỉ mới hoặc điều chỉnh trạm dừng nghỉ hiện hữu, vị trí, quy mô trạm dừng nghỉ xác định theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan.

Các công trình phụ trợ được bố trí phù hợp với các quy định và pháp luật hiện hành.

7. Nhu cầu sử dụng đất dự kiến: khoảng 411 ha.

8. Nhu cầu vốn đầu tư dự kiến: khoảng 4.600 tỷ đồng.

9. Tiến độ thực hiện dự kiến

Trên cơ sở nhu cầu vận tải, khả năng cân đối nguồn lực trong từng giai đoạn, xem xét đầu tư đoạn tuyến theo quy hoạch.

(Chi tiết các nội dung quy hoạch tuyến tại hồ sơ kèm theo).

Phụ lục 6.13: Quốc lộ 39

(Kèm theo Quyết định số 2470/QĐ-BXD ngày 30/12/2025 của Bộ Xây dựng)

1. Phạm vi

Điểm đầu: tại vị trí giao cắt với QL.38, thuộc địa phận phường Ninh Xá, tỉnh Bắc Ninh.

Điểm cuối: tại khu vực cảng Diêm Điền, thuộc địa phận xã Thái Thụy, tỉnh Hưng Yên.

Tổng chiều dài khoảng 105 km. Đi qua địa bàn 2 tỉnh: Bắc Ninh và Hưng Yên.

2. Hướng tuyến cơ bản

Hướng tuyến cơ bản đi theo hướng tuyến đường hiện hữu.

3. Quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật

Đường ô tô 4 làn xe, cấp III.

4. Sơ bộ quy mô công trình

Quy mô công trình cầu, công trình hầm được bố trí các yếu tố như với mặt cắt ngang đường tương ứng. Các công trình cầu, công trình hầm và các điểm giao cắt chính được dự kiến xác định theo hướng tuyến cơ bản.

5. Phương án kết nối đường bộ với các phương thức vận tải khác, kết nối với hệ thống đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp: kết nối thông qua các vị trí nút giao liên thông và hệ thống giao thông khu vực.

6. Trạm dừng nghỉ và công trình phụ trợ khác

Trạm dừng nghỉ mới hoặc điều chỉnh trạm dừng nghỉ hiện hữu, vị trí, quy mô trạm dừng nghỉ xác định theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan.

Các công trình phụ trợ được bố trí phù hợp với các quy định và pháp luật hiện hành.

7. Nhu cầu sử dụng đất dự kiến: khoảng 450 ha.

8. Nhu cầu vốn đầu tư dự kiến: khoảng 5.040 tỷ đồng.

9. Tiến độ thực hiện dự kiến

Trên cơ sở nhu cầu vận tải, khả năng cân đối nguồn lực trong từng giai đoạn, xem xét đầu tư đoạn tuyến theo quy hoạch.

(Chi tiết các nội dung quy hoạch tuyến tại hồ sơ kèm theo).

Phụ lục 6.14: Quốc lộ 12B

(Kèm theo Quyết định số 2470/QĐ-BXD ngày 30/12/2025 của Bộ Xây dựng)

1. Phạm vi

Điểm đầu: tại vị trí giao cắt với đường ven biển, thuộc địa phận xã Kim Đông, tỉnh Ninh Bình.

Điểm cuối: tại vị trí giao cắt với QL.6, thuộc địa phận xã Tân Lạc, tỉnh Phú Thọ.

Tổng chiều dài khoảng 136 km. Đi qua địa bàn 2 tỉnh: Ninh Bình và Phú Thọ.

2. Hướng tuyến cơ bản

Hướng tuyến cơ bản đi theo hướng tuyến đường hiện hữu.

3. Quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật

Đường ô tô 4 làn xe, cấp III.

4. Sơ bộ quy mô công trình

Quy mô công trình cầu, công trình hầm được bố trí các yếu tố như với mặt cắt ngang đường tương ứng. Các công trình cầu, công trình hầm và các điểm giao cắt chính được dự kiến xác định theo hướng tuyến cơ bản.

5. Phương án kết nối đường bộ với các phương thức vận tải khác, kết nối với hệ thống đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp: kết nối thông qua các vị trí nút giao và hệ thống giao thông trong khu vực.

6. Trạm dừng nghỉ và công trình phụ trợ khác

Trạm dừng nghỉ mới hoặc điều chỉnh trạm dừng nghỉ hiện hữu, vị trí, quy mô trạm dừng nghỉ xác định theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan.

Các công trình phụ trợ được bố trí phù hợp với các quy định và pháp luật hiện hành.

7. Nhu cầu sử dụng đất dự kiến: khoảng 595 ha.

8. Nhu cầu vốn đầu tư dự kiến: khoảng 6.660 tỷ đồng

9. Tiến độ thực hiện dự kiến

Trên cơ sở nhu cầu vận tải, khả năng cân đối nguồn lực trong từng giai đoạn, xem xét đầu tư đoạn tuyến theo quy hoạch.

(Chi tiết các nội dung quy hoạch tuyến tại hồ sơ kèm theo).

Phụ lục 6.15: Quốc lộ 12

(Kèm theo Quyết định số 2470/QĐ-BXD ngày 30/12/2025 của Bộ Xây dựng)

1. Phạm vi

Điểm đầu: tại khu vực cửa khẩu Ma Lù Thàng, thuộc địa phận xã Phong Thổ, tỉnh Lai Châu.

Điểm cuối: tại vị trí giao cắt QL.4G, thuộc địa phận xã Sông Mã, tỉnh Sơn La.

Tổng chiều dài tuyến khoảng 312 km. Đi qua địa bàn 3 tỉnh: Lai Châu, Điện Biên và Sơn La.

2. Hướng tuyến cơ bản

Hướng tuyến cơ bản đi theo hướng tuyến đường hiện hữu.

3. Quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật

Đường ô tô 2 làn xe, cấp III - IV.

4. Sơ bộ quy mô công trình

Quy mô công trình cầu, công trình hầm được bố trí các yếu tố như với mặt cắt ngang đường tương ứng. Các công trình cầu, công trình hầm và các điểm giao cắt chính được dự kiến xác định theo hướng tuyến cơ bản.

5. Phương án kết nối đường bộ với các phương thức vận tải khác, kết nối với hệ thống đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp: kết nối thông qua các vị trí nút giao và hệ thống giao thông trong khu vực.

6. Trạm dừng nghỉ và công trình phụ trợ khác

Trạm dừng nghỉ mới hoặc điều chỉnh trạm dừng nghỉ hiện hữu, vị trí, quy mô trạm dừng nghỉ xác định theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan.

Các công trình phụ trợ được bố trí phù hợp với các quy định và pháp luật hiện hành.

7. Nhu cầu sử dụng đất dự kiến: khoảng 1.051 ha

8. Nhu cầu vốn đầu tư dự kiến: khoảng 8.832 tỷ đồng

9. Tiến độ thực hiện dự kiến

Trên cơ sở nhu cầu vận tải, khả năng cân đối nguồn lực trong từng giai đoạn, xem xét đầu tư đoạn tuyến theo quy hoạch.

(Chi tiết các nội dung quy hoạch tuyến tại hồ sơ kèm theo).

Phụ lục 6.16: Quốc lộ 3B

(Kèm theo Quyết định số 2470/QĐ-BXD ngày 30/12/2025 của Bộ Xây dựng)

1. Phạm vi

Điểm đầu: tại vị trí giao cắt với QL.37, thuộc địa phận xã Thác Bà, tỉnh Lào Cai.

Điểm cuối: tại khu vực cửa khẩu Nà Nưa, thuộc địa phận xã Quốc Khánh, tỉnh Lạng Sơn.

Tổng chiều dài khoảng 317 km. Đi qua địa bàn 4 tỉnh: Lào Cai, Tuyên Quang, Thái Nguyên và Lạng Sơn.

2. Hướng tuyến cơ bản

Hướng tuyến cơ bản đi theo hướng tuyến đường hiện hữu.

3. Quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật

Đường ô tô 2 làn xe, cấp III - IV.

4. Sơ bộ quy mô công trình

Quy mô công trình cầu, công trình hầm được bố trí các yếu tố như với mặt cắt ngang đường tương ứng. Các công trình cầu, công trình hầm và các điểm giao cắt chính được dự kiến xác định theo hướng tuyến cơ bản.

5. Phương án kết nối đường bộ với các phương thức vận tải khác, kết nối với hệ thống đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp: kết nối thông qua các vị trí nút giao và hệ thống giao thông trong khu vực.

6. Trạm dừng nghỉ và công trình phụ trợ khác

Trạm dừng nghỉ mới hoặc điều chỉnh trạm dừng nghỉ hiện hữu, vị trí, quy mô trạm dừng nghỉ xác định theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan.

Các công trình phụ trợ được bố trí phù hợp với các quy định và pháp luật hiện hành.

7. Nhu cầu sử dụng đất dự kiến: khoảng 1.055 ha.

8. Nhu cầu vốn đầu tư dự kiến: khoảng 8.876 tỷ đồng.

9. Tiến độ thực hiện dự kiến

Trên cơ sở nhu cầu vận tải, khả năng cân đối nguồn lực trong từng giai đoạn, xem xét đầu tư đoạn tuyến theo quy hoạch.

(Chi tiết các nội dung quy hoạch tuyến tại hồ sơ kèm theo).

Phụ lục 6.17: Quốc lộ 4G

(Kèm theo Quyết định số 2470/QĐ-BXD ngày 30/12/2025 của Bộ Xây dựng)

1. Phạm vi

Điểm đầu: tại vị trí giao cắt với QL.6, thuộc địa phận phường Chiềng Sinh, tỉnh Sơn La.

Điểm cuối: tại khu vực cửa khẩu Nậm Lạnh, thuộc địa phận xã Sốp Cộp, tỉnh Sơn La.

Tổng chiều dài khoảng 150 km. Đi qua địa bàn tỉnh Sơn La.

2. Hướng tuyến cơ bản

Hướng tuyến cơ bản đi theo hướng tuyến đường hiện hữu.

3. Quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật

Đường ô tô 2 làn xe, cấp III - IV.

4. Sơ bộ quy mô công trình

Quy mô công trình cầu, công trình hầm được bố trí các yếu tố như với mặt cắt ngang đường tương ứng. Các công trình cầu, công trình hầm và các điểm giao cắt chính được dự kiến xác định theo hướng tuyến cơ bản.

5. Phương án kết nối đường bộ với các phương thức vận tải khác, kết nối với hệ thống đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp: kết nối thông qua các vị trí nút giao và hệ thống giao thông trong khu vực.

6. Trạm dừng nghỉ và công trình phụ trợ khác

Trạm dừng nghỉ mới hoặc điều chỉnh trạm dừng nghỉ hiện hữu, vị trí, quy mô trạm dừng nghỉ xác định theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan.

Các công trình phụ trợ được bố trí phù hợp với các quy định và pháp luật hiện hành.

7. Nhu cầu sử dụng đất dự kiến: khoảng 642 ha.

8. Nhu cầu vốn đầu tư dự kiến: khoảng 5.424 tỷ đồng.

9. Tiến độ thực hiện dự kiến

Trên cơ sở nhu cầu vận tải, khả năng cân đối nguồn lực trong từng giai đoạn, xem xét đầu tư đoạn tuyến theo quy hoạch.

(Chi tiết các nội dung quy hoạch tuyến tại hồ sơ kèm theo).

Phụ lục 6.18: Quốc lộ 21C

(Kèm theo Quyết định số 2470/QĐ-BXD ngày 30/12/2025 của Bộ Xây dựng)

1. Phạm vi

Điểm đầu: tại vị trí giao cắt với đường vành đai 3 - Hà Nội thuộc địa phận phường Định Công, thành phố Hà Nội.

Điểm cuối: tại vị trí giao cắt với đường cao tốc Bắc - Nam phía Đông thuộc địa phận phường Yên Thắng, tỉnh Ninh Bình.

Tổng chiều dài khoảng 110 km. Đi qua địa bàn 3 tỉnh, thành phố: Hà Nội, Phú Thọ và Ninh Bình.

2. Hướng tuyến cơ bản

Hướng tuyến cơ bản đi theo hướng tuyến đường hiện hữu.

3. Quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật

Đường ô tô 4 làn xe, cấp III.

4. Sơ bộ quy mô công trình

Quy mô công trình cầu, công trình hầm được bố trí các yếu tố như với mặt cắt ngang đường tương ứng. Các công trình cầu, công trình hầm và các điểm giao cắt chính được dự kiến xác định theo hướng tuyến cơ bản.

5. Phương án kết nối đường bộ với các phương thức vận tải khác, kết nối với hệ thống đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp: kết nối thông qua các vị trí nút giao liên thông và hệ thống giao thông khu vực.

6. Trạm dừng nghỉ và công trình phụ trợ khác

Trạm dừng nghỉ mới hoặc điều chỉnh trạm dừng nghỉ hiện hữu, vị trí, quy mô trạm dừng nghỉ xác định theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan.

Các công trình phụ trợ được bố trí phù hợp với các quy định và pháp luật hiện hành.

7. Nhu cầu sử dụng đất dự kiến: khoảng 486 ha.

8. Nhu cầu vốn đầu tư dự kiến: khoảng 1.645 tỷ đồng.

9. Tiến độ thực hiện dự kiến

Trên cơ sở nhu cầu vận tải, khả năng cân đối nguồn lực trong từng giai đoạn, xem xét đầu tư đoạn tuyến theo quy hoạch.

(Chi tiết các nội dung quy hoạch tuyến tại hồ sơ kèm theo).

Phụ lục 6.19: Vành đai 1 (gồm các QL.4, 4A, 4B, 4C, 4D, 4H)

(Kèm theo Quyết định số 2470/QĐ-BXD ngày 30/12/2025 của Bộ Xây dựng)

1. Phạm vi

Điểm đầu: tại khu vực cảng Mũi Chùa, thuộc địa phận xã Tiên Yên, tỉnh Quảng Ninh.

Điểm cuối: tại khu vực cửa khẩu A Pa Chải, thuộc địa phận xã Sín Thầu, tỉnh Điện Biên.

Tổng chiều dài khoảng 1.216 km. Đi qua địa bàn 7 tỉnh: Quảng Ninh, Lạng Sơn, Cao Bằng, Tuyên Quang, Lào Cai, Lai Châu và Điện Biên.

2. Hướng tuyến cơ bản

Hướng tuyến cơ bản đi theo hướng tuyến đường hiện hữu.

3. Quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật

Đường ô tô 2 làn xe, cấp III - IV.

4. Sơ bộ quy mô công trình

Quy mô công trình cầu, công trình hầm được bố trí các yếu tố như với mặt cắt ngang đường tương ứng. Các công trình cầu, công trình hầm và các điểm giao cắt chính được dự kiến xác định theo hướng tuyến cơ bản.

5. Phương án kết nối đường bộ với các phương thức vận tải khác, kết nối với hệ thống đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp: kết nối thông qua các vị trí nút giao và hệ thống giao thông trong khu vực.

6. Trạm dừng nghỉ và công trình phụ trợ khác

Trạm dừng nghỉ mới hoặc điều chỉnh trạm dừng nghỉ hiện hữu, vị trí, quy mô trạm dừng nghỉ xác định theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan.

Các công trình phụ trợ được bố trí phù hợp với các quy định và pháp luật hiện hành.

7. Nhu cầu sử dụng đất dự kiến: khoảng 6.473 ha

8. Nhu cầu vốn đầu tư dự kiến: khoảng 35.246 tỷ đồng

9. Tiến độ thực hiện dự kiến

Trên cơ sở nhu cầu vận tải, khả năng cân đối nguồn lực trong từng giai đoạn, xem xét đầu tư đoạn tuyến theo quy hoạch.

(Chi tiết các nội dung quy hoạch tuyến tại hồ sơ kèm theo).

Phụ lục 6.20: Vành đai 2 (Quốc lộ 279)

(Kèm theo Quyết định số 2470/QĐ-BXD ngày 30/12/2025 của Bộ Xây dựng)

1. Phạm vi

Điểm đầu: tại vị trí giao cắt với QL.18, thuộc địa phận phường Quang Hanh, tỉnh Quảng Ninh.

Điểm cuối: tại khu vực cửa khẩu Tây Trang, thuộc địa phận xã Sam Mứn, tỉnh Điện Biên.

Tổng chiều dài khoảng 841 km. Đi qua địa bàn 9 tỉnh: Quảng Ninh, Bắc Ninh, Lạng Sơn, Thái Nguyên, Tuyên Quang, Lào Cai, Lai Châu, Sơn La và Điện Biên.

2. Hướng tuyến cơ bản

Hướng tuyến cơ bản đi theo hướng tuyến đường hiện hữu.

3. Quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật

Đường ô tô 2 làn xe, cấp III - IV.

4. Sơ bộ quy mô công trình

Quy mô công trình cầu, công trình hầm được bố trí các yếu tố như với mặt cắt ngang đường tương ứng. Các công trình cầu, công trình hầm và các điểm giao cắt chính được dự kiến xác định theo hướng tuyến cơ bản.

5. Phương án kết nối đường bộ với các phương thức vận tải khác, kết nối với hệ thống đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp: kết nối thông qua các vị trí nút giao và hệ thống giao thông trong khu vực.

6. Trạm dừng nghỉ và công trình phụ trợ khác

Trạm dừng nghỉ mới hoặc điều chỉnh trạm dừng nghỉ hiện hữu, vị trí, quy mô trạm dừng nghỉ xác định theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan.

Các công trình phụ trợ được bố trí phù hợp với các quy định và pháp luật hiện hành.

7. Nhu cầu sử dụng đất dự kiến: khoảng 2.754ha.

8. Nhu cầu vốn đầu tư dự kiến: khoảng 23.492 tỷ đồng.

9. Tiến độ thực hiện dự kiến

Trên cơ sở nhu cầu vận tải, khả năng cân đối nguồn lực trong từng giai đoạn, xem xét đầu tư đoạn tuyến theo quy hoạch.

(Chi tiết các nội dung quy hoạch tuyến tại hồ sơ kèm theo).

Phụ lục 6.21: Vành đai 3 (Quốc lộ 37)

(Kèm theo Quyết định số 2470/QĐ-BXD ngày 30/12/2025 của Bộ Xây dựng)

1. Phạm vi

Điểm đầu: tại khu vực cảng Diêm Điền, thuộc địa phận xã Thái Thụy, tỉnh Hưng Yên.

Điểm cuối: tại vị trí giao cắt với QL.4G, thuộc địa phận xã Phiêng Pằn, tỉnh Sơn La.

Tổng chiều dài khoảng 562 km. Đi qua địa bàn 7 tỉnh, thành phố: Hưng Yên, Hải Phòng, Bắc Ninh, Thái Nguyên, Tuyên Quang, Lào Cai và Sơn La.

2. Hướng tuyến cơ bản

Hướng tuyến cơ bản đi theo hướng tuyến đường hiện hữu.

3. Quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật

Đường ô tô 2 - 4 làn xe, cấp III - IV.

- Đoạn đầu tuyến - vành đai 5 - TP. Hà Nội: 4 làn xe.

- Đoạn vành đai 5 - TP. Hà Nội - cuối tuyến: 2 làn xe.

4. Sơ bộ quy mô công trình

Quy mô công trình cầu, công trình hầm được bố trí các yếu tố như với mặt cắt ngang đường tương ứng. Các công trình cầu, công trình hầm và các điểm giao cắt chính được dự kiến xác định theo hướng tuyến cơ bản.

5. Phương án kết nối đường bộ với các phương thức vận tải khác, kết nối với hệ thống đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp: kết nối thông qua các vị trí nút giao và hệ thống giao thông trong khu vực.

6. Trạm dừng nghỉ và công trình phụ trợ khác

Trạm dừng nghỉ mới hoặc điều chỉnh trạm dừng nghỉ hiện hữu, vị trí, quy mô trạm dừng nghỉ xác định theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật có liên quan.

Các công trình phụ trợ được bố trí phù hợp với các quy định và pháp luật hiện hành.

7. Nhu cầu sử dụng đất dự kiến: khoảng 1.896ha.

8. Nhu cầu vốn đầu tư dự kiến: khoảng 15.792 tỷ đồng.

9. Tiến độ thực hiện dự kiến

Trên cơ sở nhu cầu vận tải, khả năng cân đối nguồn lực trong từng giai đoạn, xem xét đầu tư đoạn tuyến theo quy hoạch.

(Chi tiết các nội dung quy hoạch tuyến tại hồ sơ kèm theo).